

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2026

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Tân;

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 106/CV-VKS, ngày 30/01/2026 về việc không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị O, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã N, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Trần Nguyên T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã N, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị O, trình bày: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 16/7/2010 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng bà Mai Thị O chơi bời cờ bạc, nợ nần, không chung thủy với bà O, thường nhấn tin tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn ở trong tình trạng căng

thăng. Bà Mai Thị O đã nhiều lần tha thứ, mở lòng, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa đổi. Nay bà Mai Thị O nhận thấy giữa hai vợ chồng không thể nào tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, bà Mai Thị O yêu cầu giải quyết cho bà Mai Thị O ly hôn với ông Trần Nguyên T.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T có 02 người con chung là cháu Trần Nguyên Bảo V, sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Nguyên Bảo T1, sinh ngày 04/10/2014. Bà Mai Thị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Nguyên Bảo T1 và cháu Trần Nguyên Bảo V. Trước đây bà Mai Thị O có yêu cầu ông Trần Nguyên T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nay bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, và biên bản làm việc bị đơn ông Trần Nguyên T trình bày: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước đây ông T có ham vui nên đánh bạc dẫn đến nợ, bà O biết và đã trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, bà O không bỏ qua cho ông T nên lấy lý do mâu thuẫn vợ chồng tạo khoảng cách, từ đó dẫn đến ông T buồn chán nên đã tụ tập, ăn uống với bạn bè, lúc nhậu xong vì không kiềm chế được nên đã nhắn tin có nội dung tình cảm với người phụ nữ khác, sự việc bị bà O phát hiện và từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông T đồng ý với phần trình bày của bà Mai Thị O về quá trình hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T2 xác nhận giữa ông T và bà O có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, bản thân ông T vẫn còn yêu thương bà Mai Thị O nên ông T không đồng ý ly hôn với bà O. Ông T có nguyện vọng được khuyên nhủ bà O để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T có 02 người con chung là cháu Trần Nguyên Bảo V, sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Nguyên Bảo T1, sinh ngày 04/10/2014. Nếu trường hợp phải ly hôn thì ông T đồng ý giao cho bà O được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Trần Nguyên Bảo V và cháu Trần Nguyên Bảo T1. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Nguyên T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản trình bày ý kiến, cháu Trần Nguyên Bảo T1 và cháu Trần Nguyên Bảo V trình bày nguyện vọng nếu trường hợp ông T và bà O ly hôn thì cháu T1 và cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Mai Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T có đăng ký kết hôn, nay bà O xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1

Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Trần Nguyên T có nơi cư trú tại xã N, Thành phố H, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Trần Nguyên T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T cùng xác nhận, giữa ông T và bà O có mâu thuẫn vợ chồng. Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T cùng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trước đây ông T có đánh bạc dẫn đến nợ.

Ngoài ra bà O còn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chung thủy với bà O, thường nhảu tin tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Bà Mai Thị O đã nhiều lần tha thứ, mở lòng, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa đổi. Ông Trần Nguyên T3 cũng xác nhận vì bà O lấy lý do mâu thuẫn vợ chồng tạo khoảng cách, từ đó dẫn đến ông T3 buồn chán nên đã tụ tập, ăn uống với bạn bè, lúc nhậu xong vì không kiềm chế được nên đã nhảu tin có nội dung tình cảm với người phụ nữ khác, sự việc bị bà O phát hiện và từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T cùng xác nhận giữa ông T và bà O có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì mâu thuẫn trầm trọng nên bà Mai Thị O yêu cầu giải quyết cho bà Mai Thị O ly hôn với ông Trần Nguyên T. Tuy ông T xác định giữa bà O và ông T có mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì bản thân ông T vẫn còn yêu thương bà Mai Thị O nên ông T không đồng ý ly hôn với bà O. Ông T có nguyện vọng được khuyên nhủ bà O để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ vào phần trình bày, xác nhận của các đương sự Hội đồng xét xử, nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà O là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà O và ông T có 02 người con chung là cháu Trần Nguyên Bảo V, sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Nguyên Bảo T1, sinh ngày 04/10/2014. Bà O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Nguyên Bảo V và cháu Trần Nguyên Bảo T1. Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T đồng ý với nguyện vọng nuôi con chung của bà O

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Tòa án cháu Trần Nguyên Bảo V và cháu Trần Nguyên Bảo T1 trình bày nguyện vọng nếu trường hợp ông T và bà O ly hôn thì cháu T1 và cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Mai Thị O.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền và lợi ích được bảo vệ và nhận thấy bà O có nơi ở ổn định, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho bà O được trực tiếp nuôi cháu V và cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện bà O yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà O thay đổi ý kiến và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Vì bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà O là không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Mai Thị O phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Mai Thị O được ly hôn với ông Trần Nguyên T.

Về con chung: Bà Mai Thị O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Nguyên Bảo V, sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Nguyên Bảo T1, sinh ngày 04/10/2014. Ông Trần Nguyên T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Nguyên T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị O và ông Trần Nguyên T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Mai Thị O phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038712, ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Mai Thị O đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 3 năm 2026) các đương sự được quyền kháng cáo. Do ông T vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến